

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HSST
Ngày 02/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hồng Việt

Bà Bế Thị Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/HSST-QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân C, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1978 tại huyện T, tỉnh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh H; tạm trú tại: tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: học lớp 3/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị V; vợ là Vũ Thị H và có 02 con; tiền án: ngày 14/01/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: ngày 08/4/2019 bị Công an thành phố P, tỉnh G xử phạt hành chính 17.000.000đ, hình thức phạt bổ sung: tước giấy phép lái xe trong thời hạn 05 tháng về hành vi Điều khiển xe ô tô trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,4mg/l khí thở theo quy định tại điểm a, Điều 5 Nghị định 46/NĐ-CP; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2019 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Lê Đức K, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn q, thị trấn C, huyện C, tỉnh G (vắng mặt).

+ Ông Vũ Ngọc A, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn Hợp T, xã I, huyện C, tỉnh G (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988
Trú tại: Làng Ó, xã Ia, huyện C, tỉnh G (có mặt).

+ Ông Mai Văn L, sinh năm 1975
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G(vắng mặt).

+ Anh Trương Công P, sinh năm 1994
Trú tại: Thôn T, xã I, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt).

+ Ông Phạm Bá L, sinh năm 1970
Trú tại: Thôn I, xã Ia, huyện Đ, tỉnh G (có mặt).

+ Ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1977
Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1984
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1982
Trú tại: Làng S, xã Ia, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt).

+ Ông Võ Thượng Đ, sinh năm 1960
Trú tại: xã N, huyện A, tỉnh B(vắng mặt).

+ Anh Trần Như T, sinh năm 1985
Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Ia, huyện Ia, tỉnh G(có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994
Trú tại: Thôn 1, xã Ia, huyện G, tỉnh G (vắng mặt).

+ Ông Hồ Văn N, sinh năm 1976
Trú tại: Thôn C, xã B, huyện I, tỉnh G (vắng mặt).

+ Anh Trần Ngọc D, sinh năm 1983
Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Ia, huyện G, tỉnh G (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968
Trú tại: Thôn 1, xã Ia, huyện Ia, tỉnh G (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1989
Trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Ia, huyện Ia, tỉnh G (vắng mặt).

+ Anh Phan Đức H, sinh năm 1983
Trú tại: thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G (có mặt).

+ Anh Lê Khả N, sinh năm 1985
Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G(vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1949
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1970
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện M, tỉnh G (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1980
Trú tại: An, tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh G(vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1991
Trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh G(vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1974
Trú tại: tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh G (vắng mặt).
+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1978
Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh H(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 09/6/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô tải BKS 81C – 08683 đi từ thành phố P đến khu vực làng Ó, xã Ia Tôr, huyện C thì phát hiện ở khu đất trống gần bưu điện có 01 máy trộn bê tông nhãn hiệu Nhật Tân, màu xanh lá cây, dung tích bồn trộn 380 lít của anh Nguyễn Văn H, C lấy trộm máy trộn bê tông này cho lên xe và chở về phòng trọ của mình thì bị lực lượng chức năng phát hiện, thu giữ 01 máy trộn bê tông và xe ô tô biển kiểm soát 81C – 08683. Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông xác định giá trị thiệt hại của chiếc máy trộn bê tông nhãn hiệu Nhật Tân, màu xanh lá cây, dung tích bồn trộn 380 lít của anh Nguyễn Văn H là 6.030.000đ.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 27/02/2019 đến ngày 09/6/2019, Nguyễn Xuân C đã thực hiện 21 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện C, Đ, Ia, Ch, M và Đ, tỉnh G, cụ thể như sau:

Tại huyện C

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 16/3/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô BKS 81C – 08683 đi từ thành phố P đến địa bàn huyện C để tìm xem có máy trộn bê tông nào sơ hở, không có người trông coi thì lấy trộm. Khi đi đến trước cửa hàng xe máy thuộc T, thị trấn C thì C nhìn thấy 01 máy trộn bê tông màu xanh rêu, nhãn hiệu Đông Anh, dung tích bồn trộn là 380 lít của anh Lê Đức K đang để ở trên vỉa hè. C điều khiển xe ô tô tiến lại gần máy trộn bê tông, mở nắp thùng xe và hạ nắp thùng xe ô tô xuống, sau đó C kéo máy trộn bê tông lên nắp thùng xe và bấm công tắc thủy lực để nâng máy trộn bê tông lên thùng xe, chở về phòng trọ của mình tại thành phố P. Đến sáng hôm sau C chở máy trộn bê tông đi bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 05/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định giá trị của máy trộn bê tông nói trên là 5.695.000đ.

Vụ thứ hai: Ngày 16/5/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81C – 08683 đi từ phòng trọ của mình đến khu vực dốc 20 thuộc địa phận Tổ dân phố 5, thị trấn C, C đi vào trong kho của anh Vũ Ngọc A sử dụng 02 chiếc cờ lê phá khóa lấy trộm 02 máy trộn bê tông màu xanh lá cây, nhãn hiệu Đông Anh, dung tích bồn trộn 380 lít, chở về phòng trọ, đến sáng ngày hôm sau C bán được

số tiền là 4.000.000đ. Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 05/8/2019 xác định tổng giá trị của 02 máy trộn bê tông là 9.570.000đ.

Tại huyện Đ

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01h00 ngày 27/02/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô BKS 81C – 08683 đi từ thành phố P đến huyện Đ để trộm máy trộn bê tông. Khi đi đến khu vực Công viên huyện Đ, C phát hiện thấy có 01 chiếc máy trộn bê tông của anh Mai Văn L đang để ở đây. Chuyển đã lấy trộm máy trộn bê tông này và sau đó bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 7.000.000đ.

Vụ thứ hai: Vào khoảng tháng 4/2019, C điều khiển xe ô tô đến khu vực Hoa Viên thuộc địa phận thôn M, xã Ia, huyện Đ thì phát hiện thấy 01 chiếc máy trộn bê tông loại 350 lít của anh Trương Công P đang để tại công trình xây dựng Hoa Viên không có người trông coi, C lấy trộm máy trộn bê tông này và đem về bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 7.840.000đ.

Vụ thứ ba: Vào khoảng tháng 04 năm 2019, C điều khiển xe ô tô đến khu vực Tổ dân phố 1, thị trấn C thì phát hiện 01 máy trộn bê tông loại 380 lít của anh Phạm Bá L đang để tại công trình xây dựng và không có người trông coi, C lấy trộm máy trộn bê tông trên sau đó đem bán được số tiền 1.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 4.762.000đ.

Vụ thứ tư: Vào ngày 20/4/2019, Chuyển điều khiển xe ô tô đến khu vực Tổ dân phố 2, thị trấn C thì phát hiện 01 chiếc máy trộn bê tông của anh Đặng Ngọc M đang để tại đây và không có người trông coi, C lấy trộm chiếc máy trộn bê tông này và đem về bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 8.000.000đ.

Vụ thứ năm: Sau khi lấy trộm được 01 máy trộn bê tông của anh Đặng Ngọc M thì C điều khiển xe ô tô đi đến đường Phan Đình Phùng, thị trấn C thì nhìn thấy 01 máy trộn bê tông của chị Nguyễn Thị G đang để tại đây mà không có người trông coi, Chuyển lấy trộm máy trộn bê tông này và đem về bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 5.320.000đ.

Vụ thứ sáu: Vào ngày 09/5/2019, Chuyển điều khiển xe ô tô đến khu vực làng D thì phát hiện 01 máy trộn bê tông của anh Nguyễn Tuấn S không có người trông coi, Chuyển đã lén lút lấy trộm máy trộn bê tông này và đem về bán được số tiền là 2.000.000đ. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 7.168.000đ

Vụ thứ bảy: Vào ngày 23/5/2019, Chuyển điều khiển xe ô tô đi đến khu vực Tổ dân phố 6 thì phát hiện 01 máy trộn bê tông của anh Nguyễn Văn C để tại công trình xây dựng, C đã lén lút lấy trộm máy trộn bê tông này và đem bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 30/8/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 8.000.000đ.

Tại địa bàn huyện I:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 25/3/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô đến địa bàn huyện I để tìm máy trộn bê tông để trộm cắp. Khi đến khu vực vỉa hè trước số nhà 212 Hùng Vương thì C phát hiện 01 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ, dung tích bồn trộn 250 lít của ông Võ Thượng Đ không có người trông coi nên Chuyển đã lấy trộm chiếc máy trộn bê tông này, sau đó bán được số tiền 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 30 ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 3.500.000đ.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 11/4/2019, C điều khiển xe ô tô đến khu vực Tổ dân phố 5 thì phát hiện thấy có 01 máy trộn bê tông màu xanh, dung tích 385 lít của anh Trần Như T đang để trên vỉa hè không có người trông coi nên Chuyển đã lấy trộm chiếc máy trộn bê tông này, sau đó đem bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 19/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 4.000.000đ.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 02 giờ ngày 21/4/2019, C điều khiển xe ô tô đến khu vực làng D thì phát hiện thấy 01 máy trộn bê tông màu đỏ, loại dung tích 300 lít của chị Nguyễn Thị H đang để phía trước nhà dân đang có công trình xây dựng và không có người trông coi nên C đã lấy trộm máy trộn bê tông này, sau đó đem bán được 2.000.000đ. Kết luận định giá tài sản số 25 ngày 19/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 3.900.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ 0 phút ngày 23/4/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô đến khu vực chợ Bò thì nhìn thấy 01 máy trộn bê tông màu cam, dung tích bồn trộn 250 lít của anh Hồ Văn N đang để phía trước nhà dân đang xây dựng và không có người trông coi, sau đó Chuyển lấy trộm đem bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 19/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 3.500.000đ.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 11/5/2019, C điều khiển xe ô tô đến khu vực làng Y thì phát hiện thấy 01 máy trộn bê tông màu xanh, có dung tích bồn trộn 380 lít của anh Trần Ngọc D đang để trước nhà dân khi xây dựng và không có người trông coi, C đã lấy trộm máy trộn bê tông này và đem bán được số tiền 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 28 ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 4.000.000đ.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 15/5/2019, C điều khiển xe ô tô đến thôn H thì nhìn thấy 01 máy trộn bê tông màu vàng có dung tích bồn trộn 350 lít của anh Nguyễn Văn D, sau đó C lấy trộm và đem bán được 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 29 ngày 22/7/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 4.000.000đ.

Vụ thứ bảy: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 31/5/2019, C điều khiển xe ô tô đến khu vực đường tránh thuộc Tổ dân phố 3 thì phát hiện thấy 01 máy trộn bê tông màu đỏ, dung tích 250 lít của chị Nguyễn Thị Quỳnh N không có người trông coi

nên Chuyển đã lấy trộm và đem bán được 1.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 19/7/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 3.500.000đ.

Tại huyện Đ:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 28/3/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô BKS 81C – 08683 đi đến thôn C thì nhìn thấy có 01 máy trộn bê tông màu xanh của anh Phạm Đức H đang để ở lề đường không có người trông coi, Chuyển đã lấy trộm máy trộn bê tông này và đem bán được số tiền 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 74 ngày 15/9/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông nói trên trị giá là 6.020.000đ.

Vụ thứ hai và thứ ba: Khoảng 0 giờ ngày 27/4/2019, C điều khiển xe ô tô đến trước nhà nghỉ N thì nhìn thấy 01 máy trộn bê tông màu đỏ cam của anh Lê Khả N đang để ở lề đường không có người trông coi, lúc này Chuyển xuống xe, đi lại chỗ máy trộn bê tông và cầm theo 01 cái kìm màu đỏ - đen cắt dây điện ra khỏi máy trộn bê tông, sau đó C đẩy máy trộn bê tông lên thùng xe và chở về phòng trọ. Trên đường về, khi đi đến trước số nhà 34 Nguyễn Huệ thì C nhìn thấy có 01 máy trộn bê tông màu đỏ cam để ở sân xi măng của ông Trần Văn L, C tiếp tục dừng xe lại và lấy trộm máy trộn bê tông này sau đó đem về thành phố P bán được số tiền là 3.000.000 đồng cả hai máy. Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 21/6/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông của anh Lê Khả N 5.250.000đ. Kết luận số 21 ngày 19/5/2019 xác định chiếc máy trộn bê tông của anh Trần Văn L là 2.375.000đ.

Tại huyện Ch:

Vào khoảng 0 giờ ngày 22/5/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô đến địa phận Plei Djriek, thị trấn N để trộm cắp máy trộn bê tông. Khi đang đi thì Chuyển nhìn thấy 02 máy trộn bê tông để ở bên hông trụ sở Công ty TNHH An Trường Thịnh của ông Nguyễn Văn A không có người trông coi, Chuyển mở cửa cổng Công ty ra và lấy trộm 02 máy trộn bê tông đó, sau đó đem bán được số tiền là 2.000.000 đồng. Ngày 22/7/2019, Hội đồng định giá tài sản xác định tổng giá trị thiệt hại của 02 máy trộn bê tông nói trên là 1.800.000đ.

Tại huyện M:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 06/6/2019, Nguyễn Xuân C điều khiển xe ô tô đến khu vực thị trấn K để tìm máy trộn bê tông để trộm cắp. Khi đi đến khu vực Trung tâm thương mại huyện M, C điều khiển xe ô tô đi vào Trung tâm thương mại và phát hiện phía trước nhà bà Nguyễn Thị H có 01 máy trộn bê tông của anh Trần Văn T đang xây nhà cho bà H không có người trông coi, lúc này C dừng xe lại cách vị trí máy trộn bê tông khoảng 30m, C đi lại chỗ máy trộn bê tông kéo máy trộn bê tông lên xe ô tô của C sau đó đem về bán được 2.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 11/6/2019 xác định giá trị thiệt hại của 01 máy trộn bê tông nói trên là 7.600.000đ.

Tổng cộng, Nguyễn Xuân C đã trộm cắp tất cả 24 máy trộn bê tông với tổng số tiền 118.830.000đ.

C khai nhận tất cả các máy trộn bê tông trộm cắp đã bán cho ông Lê Văn C và vợ là bà Đặng Thị H. Tuy nhiên ông C không thừa nhận có mua máy trộn bê tông của bị cáo, còn bà H chỉ nhận có mua của C 02 máy trộn bê tông cũ nhưng sau

đó đã bán phế liệu 01 cái cho một người nữ không rõ lai lịch. Bà H giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện C 01 máy trộn bê tông hình cầu rộng (0,7 x 0,8)m, đế máy dài 1,57m, máy cao 1,1m, có 02 bánh xe kích thước 0,33m.

Về xử lý vật chứng, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý như sau:

Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe ô tô BKS 81C – 08683, nhãn hiệu TRƯỜNG HẢI, loại xe bán tải có mui, màu sơn xanh, số máy J2426778, số khung A22525C004511.

Trả cho anh Nguyễn Văn H 01 máy trộn bê tông nhãn hiệu Nhật Tân, màu xanh lá cây, dung tích 380 lít, sản xuất tháng 9/2018.

01 máy trộn bê tông hình cầu chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tạm giữ để tiếp tục điều tra.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường 600.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 03/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trình bày luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự: tịch thu sung quỹ nhà nước ½ trị giá chiếc xe ô tô chiếc xe ô tô BKS 81C – 08683, nhãn hiệu TRƯỜNG HẢI, loại xe bán tải có mui, màu sơn xanh, số máy J2426778, số khung A22525C004511.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại, chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến gì. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định của pháp luật. Về vật chứng là chiếc xe ô tô, bị cáo cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Prông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa có những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy họ đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và giải quyết các vấn đề có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Bị cáo Nguyễn Xuân C khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã mô tả, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, dữ liệu điện tử. Nên đủ cơ sở để nhận định: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/02/2019 đến ngày 09/6/2019 bị cáo một mình sử dụng chiếc xe ô tô BKS 81C – 08683, nhãn hiệu TRƯỜNG HẢI, loại xe bán tải có mui, thiết bị nâng hạ hàng thực hiện 21 lần trộm cắp 24 chiếc máy trộn bê tông của những người bị hại trên địa bàn các huyện C, Ia, Ch, M, Đ đem về bán cho những người thu mua phế liệu được số tiền 39.000.000đ nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Theo các kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, tổng giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt là 118.830.000đ. Do vậy bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo chiếm đoạt tài sản của các bị hại trị giá 118.830.000đ nên phải bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Mặt khác bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp trên 05 lần trong khoảng thời gian liên tục, chiếm đoạt một loại tài sản với các thủ đoạn, phương thức, thời gian thực hiện về cơ bản là giống nhau. Bị cáo sử dụng tiền bán được từ chiếc máy trộn bê tông làm nguồn sống chính, lấy các lần trộm cắp làm nghề sinh sống và thu lợi bất chính số tiền 39.000.000đ. Do vậy bị cáo phải bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng “ Có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, tạo tâm lý hoang mang, lo lắng cho mọi người. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng vẫn không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 21 lần và mỗi lần đã đầy đủ yếu tố cấu thành một tội độc lập nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác ngày 14/01/2004 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 01/11/2005 chấp hành xong hình phạt chính nhưng về tiền án phí hình sự sơ thẩm và bồi thường thiệt hại bị cáo vẫn chưa chấp hành xong. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 08/4/2019 bị cáo còn bị

Công an thành phố P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi điều khiển xe ô tô trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,4mg/l khí thở. Tuy vậy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cũng như tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt đồng thời cũng là để răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Bị cáo khai sau khi trộm cắp máy trộn bê tông xong đều đem bán cho ông Lê Văn C và bà Đặng Thị H là những người chuyên mua bán phế liệu. Khi bán bị cáo không nói cho họ biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, mọi việc mua bán đều diễn ra công khai vào ban ngày. Ông Lê Văn C không thừa nhận có sự việc mua máy trộn bê tông từ bị cáo, còn bà Đặng Thị H thì chỉ thừa nhận có mua hai máy trộn bê tông nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã áp dụng mọi biện pháp điều tra cần thiết; tại phiên tòa qua tranh tụng, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh ông Lê Văn C và bà Đặng Thị H có hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” hoặc đồng phạm với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không đủ căn cứ để xử lý hành vi của ông Lê Văn C và bà Đặng Thị H theo quy định của pháp luật.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi trộm cắp các máy trộn bê tông, bị cáo đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, không thu hồi được. Riêng chiếc máy trộn bê tông của anh Nguyễn Văn H đã thu hồi trả lại cho bị hại, anh H không có yêu cầu gì. Còn những người khác đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do vậy theo yêu cầu của các bị hại, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự. Cụ thể bị cáo phải bồi thường cho các bị hại Lê Đức K 5.695.000đ, Vũ Ngọc A 9.570.000đ, Mai Văn L 7.000.000đ, Trương Công P 7.840.000đ, Phạm Bá L 4.762.000đ, Đặng Ngọc M 8.000.000đ, Nguyễn Thị G 5.320.000đ, Nguyễn Tuấn S 7.168.000đ, Nguyễn Văn C 8.000.000đ, Võ Thượng Đ 3.500.000đ, Trần Như T 4.000.000đ, Nguyễn Thị H 3.900.000đ, Hồ Văn N 3.500.000đ, Trần Ngọc D 4.000.000đ, Nguyễn Văn D 4.000.000đ, Nguyễn Thị Quỳnh N 3.500.000đ, Phạm Đức H 6.020.000đ, Lê Khả N 5.250.000đ, Trần Văn L 2.375.000đ, Nguyễn Văn A 1.800.000đ và Trần Văn T 7.600.000đ. Bồi thường cho bà Đặng Thị H 600.000đ.

Tổng cộng là 113.400.000đ.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc máy trộn bê tông nhãn hiệu Nhật Tân, màu xanh lá cây, dung tích 380 lít là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn H, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho anh H là phù hợp.

Đối với chiếc máy trộn bê tông hình cầu, đế máy dài 1,57m, cao 1,1m chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tạm giữ để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Riêng chiếc xe ô tô BKS 81C – 08683, nhãn hiệu TRƯỜNG HẢI, loại xe bán tải có mui, thiết bị nâng hạ hàng, màu sơn xanh, số máy J2426778, số khung A22525C004511 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Nguồn gốc chiếc xe này bị cáo mua của anh Nguyễn Anh Đ và chị Nguyễn Nhật H vào ngày 22/02/2019. Bị cáo khai chiếc xe ô tô trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo, nguồn tiền dùng để mua là tiền của bị cáo và mượn của vợ là bà Vũ Thị H. Bà H công nhận đó là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng, việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội bà H không biết, không có lỗi, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu 1/2 trị giá chiếc xe để sung quỹ nhà nước; trả lại cho bà Vũ Thị H 1/2 trị giá còn lại là phù hợp.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Xuân C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000đ và $113.400.000đ \times 5\% = 5.670.000đ$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân C phải bồi thường cho các bị hại Lê Đức K 5.695.000đ (*năm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), Vũ Ngọc A 9.570.000đ (*chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*), Mai Văn Linh 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*), Trương Công P 7.840.000đ (*bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*), Phạm Bá L 4.762.000đ (*bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), Đặng Ngọc M 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), Nguyễn Thị G 5.320.000đ (*năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*), Nguyễn Tuấn S 7.168.000đ (*bảy triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), Nguyễn Văn C 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), Võ Thượng Đ 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), Trần Như T 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*), Nguyễn Thị H 3.900.000đ (*ba triệu chín trăm nghìn đồng*), Hồ Văn N 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), Trần Ngọc D 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*), Nguyễn Văn D 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*), Nguyễn Thị Quỳnh N 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), Phạm Đức H 6.020.000đ (*sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*), Lê Khả N 5.250.000đ (*năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), Trần Văn L 2.375.000đ (*hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), Nguyễn Văn A 1.800.000đ (*một triệu tám trăm nghìn đồng*) và Trần Văn T 7.600.000đ (*bảy triệu*

sáu trăm nghìn đồng). Bồi thường cho bà Đặng Thị H 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước trị giá $\frac{1}{2}$ chiếc xe ô tô BKS 81C – 08683, nhãn hiệu TRƯỜNG HẢI, loại xe bán tải có mui, màu sơn xanh, số máy J2426778, số khung A22525C004511; trả lại cho bà Vũ Thị H trị giá $\frac{1}{2}$ còn lại chiếc xe ô tô BKS 81C – 08683, nhãn hiệu TRƯỜNG HẢI, loại xe bán tải có mui, màu sơn xanh, số máy J2426778, số khung A22525C004511.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông và Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Prông).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.670.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, những người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Công an huyện Chư Prông;
- Lưu hồ sơ/VP(02 bản).

Đặng Chí Công